

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: Y TẾ CÔNG CỘNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
1	2213360254	Vũ Thị Kiều	Anh	10/03/2006	02DD14C1	5,5	5,0	5,2			2,1	Thi lại	
2	2213360370	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	15/08/2001	02DD14C1	8,0	5,5	6,3		5,3		5,7	Đạt
3	2213360371	Lê Đức	Anh	22/07/2002	02DD14C1	5,5	4,0	4,5	TBKT			1,8	Học lại
4	2213360367	Nguyễn Quỳnh	Chi	13/10/2005	02DD14C1	7,5	7,0	7,2		5,3		6,0	Đạt
5	2213360346	Nguyễn Minh	Đức	19/01/2005	02DD14C1	6,0	7,0	6,7		6,7		6,7	Đạt
6	2213360312	Nguyễn Lê Ánh	Dương	02/08/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
7	2213360264	Đỗ Nguyễn Hải	Hà	16/08/2006	02DD14C1	7,5	6,5	6,8		6,0		6,3	Đạt
8	2213360358	Hoàng Kim	Hải	01/01/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
9	2213360257	Trần Quốc	Hào	25/03/2006	02DD14C1	5,0	5,0	5,0		4,5		4,7	Đạt
10	2213360350	Quách Anh	Hào	02/02/2004	02DD14C1	6,0	7,0	6,7		6,5		6,6	Đạt
11	2213360258	Phạm Nguyễn Gia	Hung	28/08/2005	02DD14C1	5,0	6,0	5,7		6,2		6,0	Đạt
12	2213360228	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	15/12/2006	02DD14C1	7,5	7,5	7,5		3,7		5,2	Đạt
13	2213360138	Trần Hoàng Ngọc	Huyền	21/10/2006	02DD14C1	5,0	6,0	5,7		5,3		5,4	Đạt
14	2213360291	Trần Đăng	Khôi	16/11/2006	02DD14C1	6,0	5,0	5,3		5,8		5,6	Đạt
15	2213360156	Mai Ngọc Thục	Khuê	25/02/2006	02DD14C1	8,5	7,0	7,5		9,0		8,4	Đạt
16	2213360219	Nguyễn Hải	La	30/12/2006	02DD14C1	7,0	0,0	2,3	TBKT			0,9	Học lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: Y TẾ CÔNG CỘNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
17	2213360120	Võ Vũ Phương	Linh	09/04/2006	02DD14C1	5,0	6,5	6,0		4,0		4,8	Đạt
18	2213360189	Bùi Hồ Nguyệt	Loan	16/06/2006	02DD14C1	5,5	6,5	6,2		3,2		4,4	Đạt
19	2213360015	Nguyễn Hoàng	Long	27/03/2000	02DD14C1	5,0	7,5	6,7		7,2		7,0	Đạt
20	2213240135	Võ Thị Phương	Mai	28/02/2003	02DD14A1	5,0	6,0	5,7		1,8		3,3	Thi lại
21	2213360135	Trương Thị Ngọc	Mai	30/11/2006	02DD14C1	6,5	5,5	5,8		5,5		5,6	Đạt
22	2213360250	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27/12/2006	02DD14C1	5,0	4,0	4,3	TBKT			1,7	Học lại
23	2213360095	Nguyễn Hoàng Thiên	Nam	16/10/2006	02DD14C1	6,0	6,0	6,0		5,7		5,8	Đạt
24	2213240049	Lê Thanh	Nga	21/02/2002	02DD14A1	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
25	2213360129	Vũ Thị Diệu	Ngân	28/08/2006	02DD14C1	5,0	3,0	3,7	TBKT			1,5	Học lại
26	2213360233	Lê Trần Kim	Ngân	16/11/2006	02DD14C1	5,5	6,0	5,8		3,2		4,3	Đạt
27	2213360190	Nay	Nghiệp	02/10/2003	02DD14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
28	2213360209	Võ Trần Bảo	Như	06/9/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
29	2213360217	Võ Ngọc Quỳnh	Như	29/01/2006	02DD14C1	7,0	5,5	6,0		6,0		6,0	Đạt
30	2213360336	Đoàn Ngọc Yến	Như	08/03/2006	02DD14C1	7,5	5,5	6,2		4,0		4,9	Đạt
31	2213360338	Lê Trần Quỳnh	Như	10/01/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
32	2213360070	Hà Đặng An	Phúc	07/11/2005	02DD14C1	7,5	7,5	7,5		7,8		7,7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: Y TẾ CÔNG CỘNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
33	2213360242	Đỗ Thiên Phúc	11/09/2006	02DD14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
34	2213360163	Nguyễn Thị Bích Phượng	18/09/2003	02DD14C1	7,5	7,0	7,2		6,8		6,9	Đạt
35	2213360355	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	23/07/2006	02DD14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
36	2213360319	Nguyễn Ngọc Mai Tâm	25/01/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
37	2213180006	Phạm Thị Phương Thanh	12/10/2000	02DD14A1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
38	2213360060	Trịnh Thanh Thanh	12/10/2006	02DD14C1	6,5	6,0	6,2		5,5		5,8	Đạt
39	2213360366	Đỗ Thị Phương Thảo	15/10/2006	02DD14C1	8,5	6,0	6,8		5,7		6,2	Đạt
40	2213360205	Nguyễn Ngọc Kim Thoa	21/11/2006	02DD14C1	7,0	6,0	6,3		6,2		6,3	Đạt
41	2213360265	Nguyễn Đình Anh Thư	01/02/2006	02DD14C1	8,0	6,5	7,0		5,7		6,2	Đạt
42	2213360372	Đỗ Ngọc Minh Thư	30/07/2006	02DD14C1	7,0	6,5	6,7		5,0		5,7	Đạt
43	2213360260	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	04/05/2006	02DD14C1	5,0	6,5	6,0		4,5		5,1	Đạt
44	2213360099	Nguyễn Ngọc Mỹ Tiên	21/09/2006	02DD14C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
45	2213360295	Ôn Thị Thanh Trúc	30/06/2006	02DD14C1	5,0	6,5	6,0		4,3		5,0	Đạt
46	2213360127	Nguyễn Quốc Trung	23/10/2006	02DD14C1	5,0	4,5	4,7	TBKT			1,9	Học lại
47	2213360188	Quan Minh Trung	20/04/2005	02DD14C1	8,0	6,5	7,0		4,0		5,2	Đạt
48	2213360033	Nguyễn Thảo Vân Trường	11/04/2005	02DD14C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Y TẾ CÔNG CỘNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
49	2213360249	Phạm Lê Anh	Tuấn	30/09/2006	02DD14C1	5,5	5,0	5,2		4,3		4,6	Đạt
50	2213240194	Trần Thị Lam	Tuyền	10/05/2003	02DD14A1	5,0	5,5	5,3		5,0		5,1	Đạt
51	2213240134	Lê Thị Mỹ	Vân	10/02/2003	02DD14A1	8,5	7,0	7,5		5,5		6,3	Đạt
52	2213360234	Ngô Thanh	Vân	01/02/2006	02DD14C1	8,0	7,0	7,3		7,7		7,6	Đạt
53	2213360364	Vương Thị Lan	Vi	29/12/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
54	2213360063	Phan Tuấn	Vĩ	21/04/2004	02DD14C1	7,0	6,0	6,3		5,7		6,0	Đạt
55	2213360065	Vũ Thùy Phương	Vy	10/04/2006	02DD14C1	7,0	6,5	6,7		6,0		6,3	Đạt
56	2213360276	Mai Cát Tường	Vy	22/01/2006	02DD14C1	7,0	5,0	5,7		4,2		4,8	Đạt
57	2213360068	Lê Ngọc Như	Ý	12/12/2006	02DD14C1	6,5	7,0	6,8				2,7	Thi lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: Y HỌC CỔ TRUYỀN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
1	2213360254	Vũ Thị Kiều	Anh	10/03/2006	02DD14C1	8,5	9,5	9,2		5,7		7,1	Đạt
2	2213360370	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	15/08/2001	02DD14C1	9,0	8,3	8,5		7,5		7,9	Đạt
3	2213360371	Lê Đức	Anh	22/07/2002	02DD14C1	9,0	7,5	8,0		5,0		6,2	Đạt
4	2213360367	Nguyễn Quỳnh	Chi	13/10/2005	02DD14C1	7,0	7,5	7,3		6,7		7,0	Đạt
5	2213360346	Nguyễn Minh	Đức	19/01/2005	02DD14C1	7,5	5,3	6,0		5,0		5,4	Đạt
6	2213360312	Nguyễn Lê Ánh	Dương	02/08/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
7	2213360264	Đỗ Nguyễn Hải	Hà	16/08/2006	02DD14C1	6,5	7,3	7,0		6,5		6,7	Đạt
8	2213360358	Hoàng Kim	Hải	01/01/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
9	2213360257	Trần Quốc	Hào	25/03/2006	02DD14C1	5,0	9,8	8,2		6,5		7,2	Đạt
10	2213360350	Quách Anh	Hào	02/02/2004	02DD14C1	8,0	8,8	8,5		5,0		6,4	Đạt
11	2213360258	Phạm Nguyễn Gia	Hưng	28/08/2005	02DD14C1	8,5	5,8	6,7		5,2		5,8	Đạt
12	2213360228	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	15/12/2006	02DD14C1	8,0	5,8	6,5		3,7		4,8	Đạt
13	2213360138	Trần Hoàng Ngọc	Huyền	21/10/2006	02DD14C1	5,0	5,0	5,0		5,5		5,3	Đạt
14	2213360291	Trần Đăng	Khôi	16/11/2006	02DD14C1	5,5	9,3	8,0		6,7		7,2	Đạt
15	2213360156	Mai Ngọc Thục	Khuê	25/02/2006	02DD14C1	8,5	9,5	9,2		8,3		8,6	Đạt
16	2213360219	Nguyễn Hải	La	30/12/2006	02DD14C1	9,5	0,0	3,2	TBKT			1,3	Học lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: Y HỌC CỔ TRUYỀN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
17	2213360120	Võ Vũ Phương	Linh	09/04/2006	02DD14C1	8,0	8,3	8,2		4,2		5,8	Đạt
18	2213360189	Bùi Hồ Nguyệt	Loan	16/06/2006	02DD14C1	8,5	6,3	7,0		6,2		6,5	Đạt
19	2213360015	Nguyễn Hoàng	Long	27/03/2000	02DD14C1	9,0	5,0	6,3		5,7		6,0	Đạt
20	2213240135	Võ Thị Phương	Mai	28/02/2003	02DD14A1	7,5	8,5	8,2				3,3	Thi lại
21	2213360135	Trương Thị Ngọc	Mai	30/11/2006	02DD14C1	8,0	9,3	8,8		3,0		5,3	Đạt
22	2213360250	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27/12/2006	02DD14C1	6,0	8,5	7,7		6,8		7,1	Đạt
23	2213360095	Nguyễn Hoàng Thiên	Nam	16/10/2006	02DD14C1	8,5	8,5	8,5		5,0		6,4	Đạt
24	2213240049	Lê Thanh	Nga	21/02/2002	02DD14A1	7,0	6,8	6,8		4,0		5,1	Đạt
25	2213360129	Vũ Thị Diệu	Ngân	28/08/2006	02DD14C1	5,5	5,0	5,2		4,8		4,9	Đạt
26	2213360233	Lê Trần Kim	Ngân	16/11/2006	02DD14C1	6,5	5,8	6,0		6,7		6,4	Đạt
27	2213360190	Nay	Nghiệp	02/10/2003	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
28	2213360209	Võ Trần Bảo	Như	06/9/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
29	2213360217	Võ Ngọc Quỳnh	Như	29/01/2006	02DD14C1	5,5	7,8	7,0		5,5		6,1	Đạt
30	2213360336	Đoàn Ngọc Yến	Như	08/03/2006	02DD14C1	7,0	6,5	6,7		5,7		6,1	Đạt
31	2213360338	Lê Trần Quỳnh	Như	10/01/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
32	2213360070	Hà Đặng An	Phúc	07/11/2005	02DD14C1	9,5	6,5	7,5		6,8		7,1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: Y HỌC CỔ TRUYỀN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
33	2213360242	Đỗ Thiên Phúc	11/09/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
34	2213360163	Nguyễn Thị Bích Phượng	18/09/2003	02DD14C1	7,5	10,0	9,2		5,3		6,8	Đạt
35	2213360355	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	23/07/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
36	2213360319	Nguyễn Ngọc Mai Tâm	25/01/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
37	2213180006	Phạm Thị Phương Thanh	12/10/2000	02DD14A1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
38	2213360060	Trịnh Thanh Thanh	12/10/2006	02DD14C1	7,5	8,5	8,2		8,0		8,1	Đạt
39	2213360366	Đỗ Thị Phương Thảo	15/10/2006	02DD14C1	5,5	6,3	6,0		7,0		6,6	Đạt
40	2213360205	Nguyễn Ngọc Kim Thoa	21/11/2006	02DD14C1	7,5	9,8	9,0		6,2		7,3	Đạt
41	2213360265	Nguyễn Đình Anh Thư	01/02/2006	02DD14C1	7,0	6,8	6,8		6,5		6,6	Đạt
42	2213360372	Đỗ Ngọc Minh Thư	30/07/2006	02DD14C1	5,5	4,0	4,5	TBKT			1,8	Học lại
43	2213360260	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	04/05/2006	02DD14C1	9,5	10,0	9,8		6,3		7,7	Đạt
44	2213360099	Nguyễn Ngọc Mỹ Tiên	21/09/2006	02DD14C1	7,0	9,3	8,5		5,7		6,8	Đạt
45	2213360295	Ôn Thị Thanh Trúc	30/06/2006	02DD14C1	8,0	8,8	8,5		4,7		6,2	Đạt
46	2213360127	Nguyễn Quốc Trung	23/10/2006	02DD14C1	8,0	10,0	9,3		6,0		7,3	Đạt
47	2213360188	Quan Minh Trung	20/04/2005	02DD14C1	8,0	9,0	8,7		7,0		7,7	Đạt
48	2213360033	Nguyễn Thảo Vân Trường	11/04/2005	02DD14C1	10,0	9,3	9,5		4,2		6,3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Y HỌC CỔ TRUYỀN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
49	2213360249	Phạm Lê Anh Tuấn	30/09/2006	02DD14C1	5,0	10,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
50	2213240194	Trần Thị Lam Tuyền	10/05/2003	02DD14A1	8,0	9,3	8,8		5,5		6,8	Đạt
51	2213240134	Lê Thị Mỹ Vân	10/02/2003	02DD14A1	8,0	6,5	7,0		4,5		5,5	Đạt
52	2213360234	Ngô Thanh Vân	01/02/2006	02DD14C1	7,0	9,0	8,3		7,2		7,7	Đạt
53	2213360364	Vương Thị Lan Vi	29/12/2006	02DD14C1	1,5	2,5	2,2	TBKT			0,9	Học lại
54	2213360063	Phan Tuấn Vĩ	21/04/2004	02DD14C1	10,0	9,8	9,8		6,0		7,5	Đạt
55	2213360065	Vũ Thùy Phương Vy	10/04/2006	02DD14C1	8,5	5,0	6,2		6,5		6,4	Đạt
56	2213360276	Mai Cát Tường Vy	22/01/2006	02DD14C1	9,0	9,0	9,0		3,5		5,7	Đạt
57	2213360068	Lê Ngọc Như Ý	12/12/2006	02DD14C1	5,5	9,3	8,0		5,5		6,5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP - GIÁO DỤC SỨC KHỎE

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
1	2213360254	Vũ Thị Kiều	Anh	10/03/2006	02DD14C1	7,0	7,0	7,0		8,3		7,8	Đạt
2	2213360370	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	15/08/2001	02DD14C1	10,0	8,0	8,7		9,5		9,2	Đạt
3	2213360371	Lê Đức	Anh	22/07/2002	02DD14C1	9,5	7,5	8,2		9,0		8,7	Đạt
4	2213360367	Nguyễn Quỳnh	Chi	13/10/2005	02DD14C1	7,0	7,5	7,3		8,5		8,0	Đạt
5	2213360346	Nguyễn Minh	Đức	19/01/2005	02DD14C1	8,0	7,0	7,3		9,7		8,8	Đạt
6	2213360312	Nguyễn Lê Ánh	Dương	02/08/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
7	2213360264	Đỗ Nguyễn Hải	Hà	16/08/2006	02DD14C1	7,0	9,0	8,3		9,8		9,2	Đạt
8	2213360358	Hoàng Kim	Hải	01/01/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
9	2213360257	Trần Quốc	Hào	25/03/2006	02DD14C1	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt
10	2213360350	Quách Anh	Hào	02/02/2004	02DD14C1	9,0	6,0	7,0		8,3		7,8	Đạt
11	2213360258	Phạm Nguyễn Gia	Hưng	28/08/2005	02DD14C1	7,0	7,0	7,0		10,0		8,8	Đạt
12	2213360228	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	15/12/2006	02DD14C1	7,5	7,5	7,5		5,2		6,1	Đạt
13	2213360138	Trần Hoàng Ngọc	Huyền	21/10/2006	02DD14C1	9,5	10,0	9,8		7,8		8,6	Đạt
14	2213360291	Trần Đăng	Khôi	16/11/2006	02DD14C1	7,0	7,0	7,0		7,8		7,5	Đạt
15	2213360156	Mai Ngọc Thục	Khuê	25/02/2006	02DD14C1	10,0	9,5	9,7		9,7		9,7	Đạt
16	2213360219	Nguyễn Hải	La	30/12/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
17	2213360120	Võ Vũ Phương	Linh	09/04/2006	02DD14C1	9,5	9,0	9,2		7,3		8,0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP - GIÁO DỤC SỨC KHỎE

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
18	2213360189	Bùi Hồ Nguyệt	Loan	16/06/2006	02DD14C1	8,5	8,5	8,5		9,3		9,0	Đạt
19	2213360015	Nguyễn Hoàng	Long	27/03/2000	02DD14C1	7,0	9,0	8,3		9,7		9,2	Đạt
20	2213240135	Võ Thị Phương	Mai	28/02/2003	02DD14A1	9,5	8,0	8,5				3,4	Thi lại
21	2213360135	Trương Thị Ngọc	Mai	30/11/2006	02DD14C1	9,5	10,0	9,8		5,3		7,1	Đạt
22	2213360250	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27/12/2006	02DD14C1	8,5	8,0	8,2		8,7		8,5	Đạt
23	2213360095	Nguyễn Hoàng Thiên	Nam	16/10/2006	02DD14C1	8,5	6,0	6,8		9,0		8,1	Đạt
24	2213240049	Lê Thanh	Nga	21/02/2002	02DD14A1	9,5	8,5	8,8		7,7		8,2	Đạt
25	2213360129	Vũ Thị Diệu	Ngân	28/08/2006	02DD14C1	8,0	8,0	8,0		4,7		6,0	Đạt
26	2213360233	Lê Trần Kim	Ngân	16/11/2006	02DD14C1	7,5	7,5	7,5		10,0		9,0	Đạt
27	2213360190	Nay	Nghiệp	02/10/2003	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
28	2213360209	Võ Trần Bảo	Như	06/9/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
29	2213360217	Võ Ngọc Quỳnh	Như	29/01/2006	02DD14C1	9,5	7,0	7,8		4,5		5,8	Đạt
30	2213360336	Đoàn Ngọc Yến	Như	08/03/2006	02DD14C1	7,0	7,0	7,0		9,5		8,5	Đạt
31	2213360338	Lê Trần Quỳnh	Như	10/01/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
32	2213360070	Hà Đặng An	Phúc	07/11/2005	02DD14C1	9,0	10,0	9,7		9,8		9,7	Đạt
33	2213360242	Đỗ Thiên	Phúc	11/09/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
34	2213360163	Nguyễn Thị Bích	Phượng	18/09/2003	02DD14C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP - GIÁO DỤC SỨC KHỎE

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
35	2213360355	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	23/07/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
36	2213360319	Nguyễn Ngọc Mai Tâm	25/01/2006	02DD14C1	10,0	10,0	10,0		9,3		9,6	Đạt
37	2213180006	Phạm Thị Phương Thanh	12/10/2000	02DD14A1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
38	2213360060	Trịnh Thanh	12/10/2006	02DD14C1	9,5	8,0	8,5		9,2		8,9	Đạt
39	2213360366	Đỗ Thị Phương Thảo	15/10/2006	02DD14C1	9,5	10,0	9,8		6,8		8,0	Đạt
40	2213360205	Nguyễn Ngọc Kim Thoa	21/11/2006	02DD14C1	10,0	8,0	8,7		9,8		9,3	Đạt
41	2213360265	Nguyễn Đình Anh Thư	01/02/2006	02DD14C1	8,0	10,0	9,3		10,0		9,7	Đạt
42	2213360372	Đỗ Ngọc Minh Thư	30/07/2006	02DD14C1	10,0	10,0	10,0		5,5		7,3	Đạt
43	2213360260	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	04/05/2006	02DD14C1	10,0	6,0	7,3		9,3		8,5	Đạt
44	2213360099	Nguyễn Ngọc Mỹ Tiên	21/09/2006	02DD14C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
45	2213360295	Ôn Thị Thanh Trúc	30/06/2006	02DD14C1	9,5	9,5	9,5		9,3		9,4	Đạt
46	2213360127	Nguyễn Quốc Trung	23/10/2006	02DD14C1	9,5	7,0	7,8		6,7		7,2	Đạt
47	2213360188	Quan Minh Trung	20/04/2005	02DD14C1	7,5	10,0	9,2		9,3		9,2	Đạt
48	2213360033	Nguyễn Thảo Vân Trường	11/04/2005	02DD14C1	10,0	7,0	8,0		7,8		7,9	Đạt
49	2213360249	Phạm Lê Anh Tuấn	30/09/2006	02DD14C1	10,0	7,0	8,0		9,2		8,7	Đạt
50	2213240194	Trần Thị Lam Tuyền	10/05/2003	02DD14A1	10,0	9,5	9,7		9,8		9,7	Đạt
51	2213240134	Lê Thị Mỹ Vân	10/02/2003	02DD14A1	7,0	9,5	8,7		8,8		8,7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP - GIÁO DỤC SỨC KHỎE

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
52	2213360234	Ngô Thanh Vân	01/02/2006	02DD14C1	10,0	10,0	10,0		9,2		9,5	Đạt
53	2213360364	Vương Thị Lan Vi	29/12/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
54	2213360063	Phan Tuấn Vĩ	21/04/2004	02DD14C1	10,0	7,0	8,0		10,0		9,2	Đạt
55	2213360065	Vũ Thùy Phương Vy	10/04/2006	02DD14C1	10,0	8,5	9,0		9,0		9,0	Đạt
56	2213360276	Mai Cát Tường Vy	22/01/2006	02DD14C1	7,0	9,0	8,3		8,7		8,6	Đạt
57	2213360068	Lê Ngọc Như Ý	12/12/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
58	2203240123	Phạm Bảo Lộc	08/10/2001	02YS13A1	10,0	10,0	10,0		9,8		9,9	Đạt
59	2203240187	Huỳnh Thúy Vy	08/05/2002	02YS13A1	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
1	2213360254	Vũ Thị Kiều	Anh	10/03/2006	02DD14C1	8,6	7,5	7,9		8,2		8,1	Đạt
2	2213360370	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	15/08/2001	02DD14C1	8,0	9,5	9,0		8,7		8,8	Đạt
3	2213360371	Lê Đức	Anh	22/07/2002	02DD14C1	4,6	8,4	7,1		8,0		7,7	Đạt
4	2213360367	Nguyễn Quỳnh	Chi	13/10/2005	02DD14C1	6,6	7,7	7,3		7,5		7,4	Đạt
5	2213360346	Nguyễn Minh	Đức	19/01/2005	02DD14C1	6,6	7,5	7,2		7,3		7,3	Đạt
6	2213360312	Nguyễn Lê Ánh	Dương	02/08/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
7	2213360264	Đỗ Nguyễn Hải	Hà	16/08/2006	02DD14C1	8,0	6,0	6,7		9,3		8,2	Đạt
8	2213360358	Hoàng Kim	Hải	01/01/2006	02DD14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
9	2213360257	Trần Quốc	Hào	25/03/2006	02DD14C1	8,0	8,6	8,4		8,3		8,3	Đạt
10	2213360350	Quách Anh	Hào	02/02/2004	02DD14C1	8,0	5,1	6,1		5,8		5,9	Đạt
11	2213360258	Phạm Nguyễn Gia	Hung	28/08/2005	02DD14C1	6,6	7,5	7,2		7,8		7,6	Đạt
12	2213360228	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	15/12/2006	02DD14C1	10,0	5,7	7,1		4,8		5,7	Đạt
13	2213360138	Trần Hoàng Ngọc	Huyền	21/10/2006	02DD14C1	4,6	6,4	5,8		8,0		7,1	Đạt
14	2213360291	Trần Đăng	Khôi	16/11/2006	02DD14C1	8,6	6,2	7,0		9,2		8,3	Đạt
15	2213360156	Mai Ngọc Thục	Khuê	25/02/2006	02DD14C1	9,3	9,5	9,4		10,0		9,8	Đạt
16	2213360219	Nguyễn Hải	La	30/12/2006	02DD14C1	7,3	4,0	5,1				2,0	Thi lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
17	2213360120	Võ Vũ Phương	Linh	09/04/2006	02DD14C1	8,6	4,4	5,8		5,5		5,6	Đạt
18	2213360189	Bùi Hồ Nguyệt	Loan	16/06/2006	02DD14C1	9,3	6,6	7,5		8,3		8,0	Đạt
19	2213360015	Nguyễn Hoàng	Long	27/03/2000	02DD14C1	7,3	6,8	7,0		6,3		6,6	Đạt
20	2213240135	Võ Thị Phương	Mai	28/02/2003	02DD14A1	8,6	8,0	8,2				3,3	Thi lại
21	2213360135	Trương Thị Ngọc	Mai	30/11/2006	02DD14C1	8,6	8,4	8,5		6,8		7,5	Đạt
22	2213360250	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27/12/2006	02DD14C1	5,3	7,7	6,9		5,5		6,1	Đạt
23	2213360095	Nguyễn Hoàng Thiên	Nam	16/10/2006	02DD14C1	8,4	6,6	7,2		6,3		6,7	Đạt
24	2213240049	Lê Thanh	Nga	21/02/2002	02DD14A1	8,6	8,8	8,7		6,7		7,5	Đạt
25	2213360129	Vũ Thị Diệu	Ngân	28/08/2006	02DD14C1	6,0	3,3	4,2	TBKT			1,7	Học lại
26	2213360233	Lê Trần Kim	Ngân	16/11/2006	02DD14C1	9,3	8,0	8,4		8,7		8,6	Đạt
27	2213360190	Nay	Nghiệp	02/10/2003	02DD14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
28	2213360209	Võ Trần Bảo	Như	06/9/2006	02DD14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
29	2213360217	Võ Ngọc Quỳnh	Như	29/01/2006	02DD14C1	10,0	9,5	9,7		5,0		6,9	Đạt
30	2213360336	Đoàn Ngọc Yến	Như	08/03/2006	02DD14C1	8,0	4,2	5,5		5,5		5,5	Đạt
31	2213360338	Lê Trần Quỳnh	Như	10/01/2006	02DD14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
32	2213360070	Hà Đặng An	Phúc	07/11/2005	02DD14C1	8,6	9,1	8,9		9,2		9,1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
33	2213360242	Đỗ Thiên	Phúc	11/09/2006	02DD14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
34	2213360163	Nguyễn Thị Bích	Phượng	18/09/2003	02DD14C1	8,0	10,0	9,3		9,5		9,4	Đạt
35	2213360355	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	23/07/2006	02DD14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
36	2213360319	Nguyễn Ngọc Mai	Tâm	25/01/2006	02DD14C1	8,6	9,3	9,1		6,3		7,4	Đạt
37	2213180006	Phạm Thị Phương	Thanh	12/10/2000	02DD14A1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
38	2213360060	Trịnh Thanh	Thanh	12/10/2006	02DD14C1	10,0	8,6	9,1		8,2		8,5	Đạt
39	2213360366	Đỗ Thị Phương	Thảo	15/10/2006	02DD14C1	7,3	6,0	6,4		9,2		8,1	Đạt
40	2213360205	Nguyễn Ngọc Kim	Thoa	21/11/2006	02DD14C1	10,0	6,6	7,7		8,5		8,2	Đạt
41	2213360265	Nguyễn Đình Anh	Thư	01/02/2006	02DD14C1	8,6	6,8	7,4		7,8		7,6	Đạt
42	2213360372	Đỗ Ngọc Minh	Thư	30/07/2006	02DD14C1	8,0	6,4	6,9		6,7		6,8	Đạt
43	2213360260	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	04/05/2006	02DD14C1	8,0	9,7	9,1		7,8		8,3	Đạt
44	2213360099	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	21/09/2006	02DD14C1	8,0	8,0	8,0		8,7		8,4	Đạt
45	2213360295	Ôn Thị Thanh	Trúc	30/06/2006	02DD14C1	8,6	6,8	7,4		6,7		7,0	Đạt
46	2213360127	Nguyễn Quốc	Trung	23/10/2006	02DD14C1	5,3	8,4	7,4		8,2		7,9	Đạt
47	2213360188	Quan Minh	Trung	20/04/2005	02DD14C1	7,3	6,6	6,8		8,7		8,0	Đạt
48	2213360033	Nguyễn Thảo Vân	Trường	11/04/2005	02DD14C1	8,0	8,2	8,1		4,0		5,7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: KIỂM SOÁT NHIỆM KHUẨN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
49	2213360249	Phạm Lê Anh	Tuấn	30/09/2006	02DD14C1	10,0	9,7	9,8		7,7		8,5	Đạt
50	2213240194	Trần Thị Lam	Tuyền	10/05/2003	02DD14A1	6,6	5,7	6,0		8,2		7,3	Đạt
51	2213240134	Lê Thị Mỹ	Vân	10/02/2003	02DD14A1	9,3	7,1	7,8		8,5		8,2	Đạt
52	2213360234	Ngô Thanh	Vân	01/02/2006	02DD14C1	7,3	7,7	7,6		9,7		8,8	Đạt
53	2213360364	Vương Thị Lan	Vi	29/12/2006	02DD14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
54	2213360063	Phan Tuấn	Vĩ	21/04/2004	02DD14C1	10,0	9,5	9,7		8,0		8,7	Đạt
55	2213360065	Vũ Thùy Phương	Vy	10/04/2006	02DD14C1	8,0	6,4	6,9		9,0		8,2	Đạt
56	2213360276	Mai Cát Tường	Vy	22/01/2006	02DD14C1	8,6	6,4	7,1		4,5		5,6	Đạt
57	2213360068	Lê Ngọc Như	Ý	12/12/2006	02DD14C1	8,0	6,6	7,1				2,8	Thi lại